

Số: 1135 /TTr-UBND

An Giang, ngày 28 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương,

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024 như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1. Theo nội dung tại Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 quy định:

“Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp:

1. Căn cứ vào nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định: d) Tổng mức vay của ngân sách địa phương, bao gồm vay để bù đắp bội chi ngân sách địa phương và vay để trả nợ gốc của ngân sách địa phương”.

- Tại Điều 16, 17 Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017 quy định:

“Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

1. Quyết định, điều chỉnh kế hoạch vay, trả nợ 05 năm, hằng năm của chính quyền địa phương theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Quyết định danh mục các dự án đầu tư từ vốn vay của chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật;...”.

“Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

1. *Lập kế hoạch vay, trả nợ 05 năm, hằng năm của chính quyền địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”.*

Từ các căn cứ trên, để có cơ sở vay đầu tư từ nguồn vay trong nước, vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ và mục đích sử dụng nguồn vốn vay, việc Ban hành Nghị quyết tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024 là cần thiết. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024.

II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo

1. Mục đích: Ban hành Nghị quyết tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024 để có cơ sở vay đầu tư từ nguồn vay trong nước, vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ và mục đích sử dụng nguồn vốn vay.

2. Quan điểm chỉ đạo:

a) Tuân thủ trình tự, thủ tục theo các quy định về lập kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương.

b) Đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ phân bổ vốn cho các dự án nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, bố trí đủ vốn đối ứng thực hiện các dự án ODA, thực hiện thủ tục vay, ghi vốn đầu tư ngân sách tỉnh hoàn trả đúng hạn các khoản nợ gốc vay, phí và lãi vay khi đến hạn.

III. Đánh giá tình hình thực hiện việc quản lý nợ năm 2023

Việc quản lý các khoản nợ vay của chính quyền địa phương đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công, cụ thể đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2023 tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, làm cơ sở quản lý chặt chẽ nợ vay chính quyền địa phương.

Tuy nhiên, trong năm 2023 quá trình triển khai thực hiện có phát sinh thay đổi kế hoạch vay, cụ thể:

(i) Dự án Nâng cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Sản – Nhi An Giang: Qua thảo luận dự toán, Bộ Tài chính dự kiến thời gian thực hiện việc đàm phán và ký Hiệp định vay vào cuối năm 2023, vì vậy trong năm 2023 dự án chưa thể giải ngân nguồn vốn vay nước ngoài đã được phân bổ.

(ii) Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố Long Xuyên điều chỉnh giảm quy mô và thực hiện các thủ tục điều chỉnh, gia hạn thời gian thực hiện dự án đến tháng 6/2024 nên ảnh hưởng đến kế hoạch vay lại năm 2023.

Ngoài ra, năm 2023 Hiệp định vay vốn đối với dự án Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước thượng nguồn sông Cửu Long, huyện An Phú sẽ kết thúc. Đồng thời, đã thực hiện trả nợ đầy đủ, dứt điểm và thanh lý hợp đồng đối với khoản nợ vay Chương trình cụm, tuyến dân cư vượt lũ với Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Đồng Tháp – An Giang theo quy định.

Về nghĩa vụ trả nợ, đã bố trí đủ nguồn vốn ngân sách địa phương để trả nợ vay theo đúng Hợp đồng đã ký kết giữa Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh.

IV. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công, các Hiệp định vay với nhà tài trợ và hợp đồng vay lại các dự án giữa Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính, Sở Tài chính đã làm việc với các chủ đầu tư xác định nhu cầu vay lại từng dự án trong năm 2024, đồng thời lấy ý kiến góp ý của Sở Tư pháp và công khai dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh để cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý, trên cơ sở đó hoàn chỉnh dự thảo để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024.

V. Bộ cục và nội dung cơ bản dự thảo Nghị quyết

Điều 1: Phê duyệt tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024, như sau:

1. Tổng mức vay năm 2024 của ngân sách tỉnh:

a) Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2024 là 6.523.000 triệu đồng.

b) Chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2024 là 11.715.223 triệu đồng.

c) Tổng mức vay của ngân sách tỉnh: Theo điểm c khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước: “*Đối với các địa phương có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp nhỏ hơn hoặc bằng chi thường xuyên của ngân sách địa phương không vượt quá 20% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp*”. Theo đó mức dư nợ vay của ngân sách tỉnh không vượt quá 20% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 1.304.600 triệu đồng (6.523.000 x 20%).

2. Kế hoạch vay năm 2024 của ngân sách tỉnh theo nguồn vay trong nước, vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ và mục đích sử dụng:

a) Tổng mức vay trong năm là 82.200 triệu đồng: đây là khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, mức vay theo thông báo của Bộ Tài chính và Hiệp định đã ký kết với nhà tài trợ nước ngoài để đầu tư các dự án (*chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II*).

b) Trường hợp có thay đổi kế hoạch vay lại của các dự án theo tiến độ thực tế thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ cho phù hợp theo quy định.

3. Kế hoạch trả nợ vay của ngân sách tỉnh năm 2024 theo nguồn vay trong nước, vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ:

a) Tổng mức trả nợ gốc khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ trong năm là 23.100 triệu đồng, sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương.

b) Trả lãi, phí trong năm là 9.000 triệu đồng, sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Dư nợ vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 291.633 triệu đồng, so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương đạt tỷ lệ 22,4% (291.633/ 1.304.600 triệu đồng).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X, kỳ họp thứ.... thông qua ngày.... tháng năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

(Xin gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết Tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024).

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 1089/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT TU, HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa X;
- Các Sở: TC, KH&ĐT, TP;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, P.TH, KTN, KGVX, KTTH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Minh Thúy

Phụ lục I

BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 1135/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Nội dung	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh
A	B	1	2	3=2-1
A	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.289.000	6.523.000	234.000
B	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	14.651.715	16.643.652	1.991.937
C	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG /BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	100.860	82.200	
1	Bội chi	100.860	82.200	
2	Bội thu			
D	HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO QUY ĐỊNH	1.257.800	1.304.600	46.800
E	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC			
I	Tổng dư nợ đầu năm	160.975	232.533	71.558
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	<i>12,8%</i>	<i>17,8%</i>	<i>152,9%</i>
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	154.773	232.533	77.760
3	Vay trong nước khác	6.202	0	-6.202
II	Trả nợ gốc vay trong năm	29.302	23.100	-6.202
1	Theo nguồn vốn vay	29.302	23.100	-6.202
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	23.100	23.100	0
-	Vốn khác	6.202	0	-6.202
2	Theo nguồn trả nợ	29.302	23.100	-6.202
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			
-	Bội thu ngân sách địa phương			
-	Tăng thu, tiết kiệm chi			
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh			
-	Ngân sách địa phương	29.302	23.100	-6.202
III	Tổng mức vay trong năm	100.860	82.200	-18.660
1	Theo mục đích vay	100.860	82.200	-18.660
-	Vay để bù đắp bội chi	100.860	82.200	-18.660
-	Vay để trả nợ gốc			
2	Theo nguồn vay	100.860	82.200	-18.660
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	100.860	82.200	-18.660
-	Vay trong nước khác			
IV	Tổng dư nợ cuối năm	232.533	291.633	59.100
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	<i>18,5%</i>	<i>22,4%</i>	<i>3,9%</i>
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	232.533	291.633	59.100
3	Vốn khác	0	0	0
G	TRẢ NỢ LÃI, PHÍ	8.000	9.000	1.000

Phụ lục II

KẾ HOẠCH VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 1135/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị : Triệu đồng

Stt	Tên dự án/ Chương trình/ Hiệp định vay	Chủ dự án	Quyết định	Tổng mức đầu tư			Tên nhà tài trợ	Giá trị hiệp định vay		Cơ chế tài chính			Lũy kế dư nợ địa phương vay lại vốn nước ngoài của Chính phủ đến cuối năm 2022	Năm 2023			Năm 2024			Dư nợ vay cuối năm 2024	
				Tổng số	Trong đó			Số tiền	Loại tiền	NSTW cấp phát	Địa phương vay lại	Lãi và phí địa phương phải trả cho khoản vay lại		Thực hiện vay năm 2023	Nợ gốc phải trả	Lãi và phí phải trả	Kế hoạch vay lại năm 2024	Trả nợ			
					Vốn đối ứng	Vay ưu đãi vốn ODA												Tổng	Nợ gốc		Lãi và phí phải trả
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
TỔNG CỘNG				2.877.631	643.142	2.234.489				1.435.279	799.210		154.773	100.860	23.100	8.000	82.200	32.100	23.100	9.000	291.633
1	Cung cấp trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa khu vực Châu Đốc	BVĐK Khu vực tỉnh	1858/QĐ-UBND ngày 07/7/2016; 3139/QĐ-UBND ngày 12/12/2018	323.714	65.572	258.142	Ku Wait	11,55	Triệu USD	232.328	#####	2%	22.379	0	1.300	550	-	2.000	1.300	700	19.779
2	Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang" (VILG)	Sở TN&MT	3215/QĐ-UBND ngày 27/10/2017; 1854/QĐ-UBND ngày 31/7/2019	134.468	21.222	113.246	WB	5,16	Triệu USD	79.272	#####	2,75%	15.453		2.700	1.000		3.600	2.700	900	10.053
3	Tiểu dự án: Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cừu Long, huyện An Phú, thuộc dự án: Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cừu Long	Sở NN&PTNT	2841/QĐ-UBND ngày 26/9/2017; 2595/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	651.515	137.334	514.181	WB	29,24	Triệu USD	359.927	154.254	2,25%	75.343	#####	12.000	3.000		14.500	12.000	2.500	112.203
4	Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	UBND TP. Long Xuyên	2251/QĐ-UBND ngày 14/9/2018	1.287.322	375.322	912.000	WB	40,00	Triệu USD	501.600	410.400	2,5%	41.598	#####	7.100	3.450	36.505	10.600	7.100	3.500	103.903
5	Dự án Nâng cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Sản Nhi An Giang	Ban QLDA ĐTXD KV tỉnh	168/QĐ-TTg ngày 04/02/2021; NQ số 25/NQ-HĐND ngày 28/9/2023	480.612	43.692	436.920	Chính phủ Áo	16,50	Triệu EUR	262.152	174.768	1,25%	0	0	0		45.695	1.400		1.400	45.695